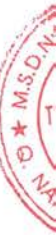




Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 27 tháng 4 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Miêng	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên
	Ông Tạ Minh Tấn	Thành viên
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Khánh	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Miêng	Tổng Giám đốc
	Ông Trần Ngọc Khanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 14/2/2019)
	Bà Nguyễn Thị Khánh	Giám đốc Điều hành (đến ngày 14/2/2019)
	Bà Bùi Minh Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 14/2/2019)
		Giám đốc Điều hành (đến ngày 14/2/2019)
		Giám đốc Điều hành

Trụ sở đăng ký	43 Tô Hiệu Phường Ngô Quyền Thành phố Nam Định Tỉnh Nam Định Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Ban Giám đốc Tổng Công ty đã thuyết minh các điều kiện liên quan đến đánh giá của Ban Giám đốc về giả định hoạt động liên tục trong Thuyết minh 2(c) của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Nam Định, ngày 27 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, trong khoản mục đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty có khoản đầu tư vào một công ty liên kết là Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 13.791 triệu VND (1/1/2019: 27.264 triệu VND). Ban Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng việc trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn này là không cần thiết do báo cáo tài chính của Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định thể hiện vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết này nhỏ hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày 30 tháng 6 năm 2019. Tuy nhiên, công ty liên kết này, trên thực tế, chưa thực hiện đánh giá về khả năng thu hồi của một số khoản phải thu đã quá hạn với giá trị ghi sổ là 53.143 triệu VND. Trong trường hợp Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định cần phải trích lập dự phòng cho các khoản phải thu đã quá hạn này, vốn chủ sở hữu thực có của công ty liên kết này sẽ thay đổi (vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết này lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có) và, do đó, Tổng Công ty có thể sẽ cần phải lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định.

Do hạn chế về thông tin liên quan đến khả năng thanh toán những khoản phải thu trên từ khách hàng của Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục soát xét thích hợp để đạt được sự đảm bảo có giới hạn về khả năng thu hồi của các khoản phải thu này, do đó, không thể xác định giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư dài hạn vào Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định của Tổng Công ty và số dự phòng phải lập cho khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như ảnh hưởng tương ứng đối với lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và các khoản mục chi phí tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày.

Kết luận soát xét ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trong phần Cơ sở của kết luận ngoại trừ, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-02-00194-19-1



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2019

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		473.502.502.637	494.007.832.286
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	12.808.543.362	34.535.527.869
Tiền	111		12.808.543.362	34.535.527.869
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		198.892.144.459	221.787.493.945
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	183.574.994.248	197.887.430.603
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.625.480.544	2.213.358.773
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11	7.600.000.000	8.800.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	10.316.836.847	17.161.531.931
Dự phòng phải thu khó đòi	137	13	(4.225.167.180)	(4.274.827.362)
Hàng tồn kho	140	14	249.197.011.222	223.741.144.759
Hàng tồn kho	141		255.997.411.931	234.843.003.005
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.800.400.709)	(11.101.858.246)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.604.803.594	3.943.665.713
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	19(a)	1.536.029.100	143.056.803
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	704.663.344
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	21	1.068.774.494	3.095.945.566

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		746.617.299.114	753.373.539.822
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.993.421.544	-
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	8.993.421.544	-
Tài sản cố định	220		632.239.486.556	635.662.830.773
Tài sản cố định hữu hình	221	15	623.526.661.897	626.233.003.984
Nguyên giá	222		990.240.983.776	996.410.354.560
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(366.714.321.879)	(370.177.350.576)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	16	8.303.324.659	8.988.826.789
Nguyên giá	225		9.154.831.169	9.154.831.169
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(851.506.510)	(166.004.380)
Tài sản cố định vô hình	227		409.500.000	441.000.000
Nguyên giá	228		698.000.000	698.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(288.500.000)	(257.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	17	7.143.907.710	6.814.162.932
Nguyên giá	231		12.378.939.809	11.682.399.869
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.235.032.099)	(4.868.236.937)
Tài sản dở dang dài hạn	240		25.530.882.447	22.509.306.802
Xây dựng cơ bản dở dang	242	18	25.530.882.447	22.509.306.802
Đầu tư tài chính dài hạn	250		61.883.209.426	75.356.209.426
Đầu tư vào công ty con	251	9(b)	17.518.479.633	44.782.479.633
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	9(b)	41.816.174.793	28.025.174.793
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(b)	1.348.555.000	1.348.555.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	254	9(a)	1.200.000.000	1.200.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		10.826.391.431	13.031.029.889
Chi phí trả trước dài hạn	261	19(b)	10.826.391.431	13.031.029.889
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.220.119.801.751	1.247.381.372.108

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.017.176.387.371	1.039.485.926.605
Nợ ngắn hạn	310		565.435.274.131	543.516.750.766
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	158.652.420.607	84.369.763.661
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.234.278.234	978.434.626
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	563.631.831	90.883.432
Phải trả người lao động	314		9.170.011.153	8.880.308.237
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	2.265.803.960	2.121.318.581
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	26	735.377.808	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	23(a)	4.965.876.615	4.980.743.543
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24(a)	379.867.169.430	440.414.324.193
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	25	1.980.704.493	1.680.974.493
Nợ dài hạn	330		451.741.113.240	495.969.175.839
Phải trả người bán dài hạn	331	20	-	16.977.649.431
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	26	1.715.878.541	2.818.945.253
Phải trả dài hạn khác	337	23(b)	9.331.923.822	14.331.923.822
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24(b)	440.693.310.877	461.840.657.333
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		202.943.414.380	207.895.445.503
Vốn chủ sở hữu	410	27	202.943.414.380	207.895.445.503
Vốn cổ phần	411	28	136.000.000.000	136.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		136.000.000.000	136.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	30	64.017.067.516	57.617.067.516
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.926.346.864	14.278.377.987
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		328.377.987	5.175.216.685
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		2.597.968.877	9.103.161.302
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.220.119.801.751	1.247.381.372.108

Ngày 27 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Phạm Thị Nhân
 Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	509.892.139.773	385.110.318.272
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	483.269.704.854	354.582.691.241
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		26.622.434.919	30.527.627.031
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	21.142.971.816	23.719.357.799
Chi phí tài chính	22	35	31.576.803.079	28.135.752.691
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		24.981.960.579	13.533.548.423
Chi phí bán hàng	25	36	5.026.433.249	3.324.663.501
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	8.598.583.162	8.539.154.162
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		2.563.587.245	14.247.414.476
Thu nhập khác	31		823.843.465	693.079.505
Chi phí khác	32		78.193.701	356.256.088
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		745.649.764	336.823.417
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.309.237.009	14.584.237.893
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39	711.268.132	179.995.525
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		2.597.968.877	14.404.242.368

Ngày 27 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Phạm Thị Nhân
 Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		3.309.237.009	14.584.237.893
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		31.420.931.598	20.261.469.118
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03		(4.351.117.719)	8.052.444.537
Lãi từ hoạt động đầu tư	04		(2.438.369.064)	3.843.177.063
Chi phí lãi vay	05		(14.326.402.085)	(18.966.544.480)
	06		24.981.960.579	13.533.548.423
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		38.596.240.318	41.308.332.554
Biến động các khoản phải thu	09		14.771.368.789	(34.659.588.057)
Biến động hàng tồn kho	10		(21.154.408.926)	(67.216.184.374)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		59.790.812.620	56.471.025.619
Biến động chi phí trả trước	12		1.508.935.641	4.678.829.941
			93.512.948.442	582.415.683
Tiền lãi vay đã trả	14		(21.941.762.788)	(10.539.268.572)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(450.270.000)	(533.824.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		71.120.915.654	(10.490.676.889)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(29.146.431.663)	(50.955.332.936)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		534.545.454	1.323.589.091
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(6.700.000.000)	(21.300.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		7.900.000.000	102.800.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		13.473.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		9.497.665.126	10.234.844.657
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.441.221.083)	42.103.100.812

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		355.897.527.303	321.931.474.772
Tiền trả nợ gốc vay	34		(437.383.317.917)	(349.871.839.114)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(540.005.157)	-
Tiền trả cổ tức	36		(6.505.128.750)	(7.680.313.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(88.530.924.521)	(35.620.677.842)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(21.851.229.950)	(4.008.253.919)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		34.535.527.869	29.150.305.707
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		124.245.443	109.686.609
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	12.808.543.362	25.251.738.397

Ngày 27 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Phạm Thị Nhân
 Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sơ, sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì; và
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty có 4 công ty con và 4 công ty liên kết (1/1/2019: 5 công ty con và 3 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty có 1.276 nhân viên (1/1/2019: 1.320 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 91.933 triệu VND (1/1/2019: 49.509 triệu VND). Hơn nữa, Tổng Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 24(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cơ bản tùy thuộc vào việc Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ của Tổng Công ty, tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tổng Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản/bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 6 – 50 năm
- thiết bị, dụng cụ quản lý 3 – 8 năm
- máy móc và thiết bị 5 – 15 năm
- phương tiện vận chuyển 6 – 10 năm

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 6 – 50 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian trả trước của hợp đồng thuê đất.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Ngoại trừ thay đổi được nêu tại Thuyết minh 9(b)(i), không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.123.425.350	866.615.892
Tiền gửi ngân hàng	11.685.118.012	33.668.911.977
	12.808.543.362	34.535.527.869

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm 2.449 triệu VND (1/1/2019: 2.449 triệu VND) bị hạn chế sử dụng do Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ pháp lý theo yêu cầu của Kho bạc Tỉnh Nam Định liên quan đến việc hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty.

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Trái phiếu (ii)	1.200.000.000	(*)	1.200.000.000	(*)

(i) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,2% đến 7,3% (2018: từ 6,3% đến 7,2%).

(ii) Khoản trái phiếu do ngân hàng phát hành, có kỳ hạn 10 năm và hưởng lãi suất năm 7,5% (2018: 6,3%).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2019			1/1/2019			
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:							
▪ Công ty con							
• Công ty CP Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	52,52%	52,52%	2.876.479.633	(*)	52,52%	2.876.479.633	(*)
• Công ty TNHH MTV Chân len Dệt May Nam Định	100,00%	100,00%	5.000.000.000	(*)	100,00%	5.000.000.000	(*)
• Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định	62,58%	62,58%	5.632.500.000	(*)	62,58%	5.632.500.000	(*)
• Công ty CP May IV Dệt May Nam Định	53,46%	53,46%	4.009.500.000	(*)	53,46%	4.009.500.000	(*)
• Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định (i)	-	-	-	-	90,88%	27.264.000.000	(*)
			17.518.479.633			44.782.479.633	
▪ Công liên kết							
• Công ty CP May I Dệt May Nam Định	36,00%	36,00%	3.045.174.793	(*)	36,00%	3.045.174.793	(*)
• Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	36,92%	36,92%	23.000.000.000	(*)	36,92%	23.000.000.000	(*)
• Công ty CP May V Dệt May Nam Định	36,00%	36,00%	1.980.000.000	(*)	36,00%	1.980.000.000	(*)
• Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định (i)	45,97%	45,97%	13.791.000.000	(*)	-	-	-
			41.816.174.793			28.025.174.793	
▪ Đơn vị khác							
• Ngân hàng TMCP Công thương	0,002%	0,002%	1.348.555.000	(*)	0,002%	1.348.555.000	(*)
			60.683.209.426			74.156.209.426	

(i) Trong kỳ, Tổng Công ty đã chuyển nhượng 44,91% vốn cổ phần của Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định cho các bên khác với giá chuyển nhượng là 10.000 VND/cổ phần, qua đó làm giảm quyền biểu quyết và sở hữu của Tổng Công ty xuống còn 45,97%. Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty.

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Bên liên quan		
<i>Công ty mẹ</i>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	81.958.500	7.243.500
<i>Công ty con</i>		
Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định	11.931.267.644	2.901.401.186
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	1.357.279.875	70.585.308
Công ty CP May IV Dệt May Nam Định	208.112.864	173.892.215
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	18.000.000	-
Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	-	101.060.660.868
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	113.869.848.492	-
Công ty CP May V Dệt May Nam Định	2.125.455.470	2.042.812.500
Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	2.252.660	1.825.420
Bên khác		
Công ty TNHH Dệt May Phú Cường	7.383.103.812	7.862.467.874
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Dũng	6.454.334.679	-
Công ty TNHH Thành Vin	5.549.999.999	-
Xiamen Port Commerce Information Co., Ltd	5.182.258.176	-
Công ty CP Đầu tư Thương mại Hưng Thịnh Phú	-	15.535.644.101
Xiamen Haixia Investment Co., Ltd.	-	13.793.950.080
Jiangsu Lianfa Textile Material Co., Ltd	-	8.368.329.715
Shandong Ruyi Technology Group Co., Ltd	-	6.999.152.448
Các khách hàng khác	29.411.122.077	39.069.465.388
	183.574.994.248	197.887.430.603

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và công ty liên kết không có đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và được tính lãi chậm nộp với lãi suất năm là 7,5% (2018: 7,5%) khi quá hạn mà các công ty con này chưa thanh toán.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty CP May V Dệt May Nam Định (công ty liên kết)	7.600.000.000	8.800.000.000

Các khoản cho vay cấp cho Công ty CP May V Dệt May Nam Định không được đảm bảo và hưởng lãi suất tương đương với lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm vay là 7,5% (2018: 7,5%) một năm.

12. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Cổ tức phải thu các công ty liên kết	3.450.000.000	4.211.917.500
Phải thu người lao động	3.391.265.275	-
Phải thu các công ty con và công ty liên kết về tiền đất cho thuê	1.449.091.490	1.491.492.281
Phải thu tiền lãi cho vay từ công ty liên kết	804.387.430	748.278.425
Ký cược, ký quỹ	420.946.259	609.662.597
Phải thu hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	-	5.793.421.544
Phải thu về thanh lý tài sản cố định	-	3.200.000.000
Phải thu khác	801.146.393	1.106.759.584
	10.316.836.847	17.161.531.931

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong các khoản phải thu ngắn hạn khác có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty con		
Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định	828.714.641	1.736.123.588
Công ty CP May IV Dệt May Nam Định	224.773.059	908.778.693
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	106.481.191	840.000.000
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	-	283.620.000
Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	-	1.363.200.000
Công ty liên kết		
Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	3.450.000.000	-
Công ty CP May V Dệt May Nam Định	930.403.952	906.678.425
Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	157.662.278	-
Công ty CP May I Dệt May Nam Định	5.443.799	413.287.500
	5.703.478.920	6.451.688.206

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không được đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Phải thu hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định (*)	5.793.421.544	-
Phải thu về thanh lý tài sản cố định	3.200.000.000	-
	8.993.421.544	-

(*) Đây là khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến các chi phí phát sinh từ Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định về Khu Công nghiệp Hòa Xá (“Dự án di dời”), bao gồm chi phí đo vẽ nhà đất, chi phí di dời, chi phí sản xuất chạy thử và các chi phí hỗ trợ doanh nghiệp di dời do ngừng sản xuất. Các khoản chi phí này đã được Sở Tài chính Tỉnh Nam Định phê duyệt và trình Bộ Tài chính xem xét hỗ trợ theo Công văn số 2510/STC-ĐT ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Sở Tài chính và Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong năm 2017, Bộ Tài chính đã có các công văn trả lời, đồng ý hỗ trợ Tổng Công ty các chi phí đo vẽ nhà đất, chi phí di dời và các chi phí phát sinh do ngừng sản xuất. Tổng Công ty đã ghi giảm khoản phải thu khác tương ứng với số tiền hỗ trợ đã nhận được trong năm. Phần còn lại của khoản phải thu khác tương ứng với các khoản xin hỗ trợ chi phí sản xuất chạy thử vẫn đang được Bộ Tài chính tiếp tục xem xét.

Trong năm 2018, Tổng Công ty tiếp tục chi trả một số chi phí bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt máy móc liên quan đến Dự án di dời này với tổng giá trị là 2.869 triệu VND. Tổng Công ty đang trong quá trình làm thủ tục để xin hỗ trợ khoản chi phí phát sinh thêm này theo các quy định nói trên.

Tại ngày báo cáo, Ban Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng toàn bộ các khoản xin hỗ trợ này sẽ được hoàn lại.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Dự phòng phải thu khó đòi

	30/6/2019				1/1/2019			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-
Công ty TNHH Thương mại Hải Dung	Trên 3 năm	118.515.062	(118.515.062)	-	Trên 3 năm	118.515.062	(118.515.062)	-
Khác	Từ 2 - 3 năm	289.853.138	(202.897.197)	86.955.941	Từ 2 - 3 năm	289.853.138	(202.897.197)	86.955.941
Khác	Trên 3 năm	1.020.695.556	(1.020.695.556)	-	Trên 3 năm	1.070.355.738	(1.070.355.738)	-
		<u>4.312.123.121</u>	<u>(4.225.167.180)</u>	<u>86.955.941</u>		<u>4.361.783.303</u>	<u>(4.274.827.362)</u>	<u>86.955.941</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi –
ngắn hạn

(4.225.167.180)

(4.274.827.362)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	45.825.664.051	-	5.648.629.876	-
Nguyên vật liệu	49.259.951.844	-	96.582.182.911	(2.494.191.142)
Công cụ và dụng cụ	132.004.669	-	124.476.905	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.163.836.347	-	10.364.615.106	(224.075.911)
Thành phẩm	138.176.607.405	(5.462.650.064)	99.123.832.368	(7.719.040.545)
Hàng hóa	2.588.471.230	(1.307.177.971)	22.941.032.174	(633.977.974)
Hàng gửi đi bán	6.850.876.385	(30.572.674)	58.233.665	(30.572.674)
	255.997.411.931	(6.800.400.709)	234.843.003.005	(11.101.858.246)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có 48.269 triệu VND hàng tồn kho (1/1/2019: 62.036 triệu VND hàng tồn kho) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	273.820.212.376	2.757.404.488	681.163.895.450	38.668.842.246	996.410.354.560
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	11.159.407.144	-	15.478.569.471	-	26.637.976.615
Thanh lý	-	-	(32.807.347.399)	-	(32.807.347.399)
Số dư cuối kỳ	284.979.619.520	2.757.404.488	663.835.117.522	38.668.842.246	990.240.983.776
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	59.226.447.322	1.336.731.466	299.707.317.041	9.906.854.747	370.177.350.576
Khấu hao trong kỳ	7.063.683.126	36.447.923	20.252.973.209	1.991.214.444	29.344.318.702
Thanh lý	-	-	(32.807.347.399)	-	(32.807.347.399)
Số dư cuối kỳ	66.290.130.448	1.373.179.389	287.152.942.851	11.898.069.191	366.714.321.879
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	214.593.765.054	1.420.673.022	381.456.578.409	28.761.987.499	626.233.003.984
Số dư cuối kỳ	218.689.489.072	1.384.225.099	376.682.174.671	26.770.773.055	623.526.661.897

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 209.929 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: 200.445 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại 547.176 triệu VND (1/1/2019: 520.881 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 24).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	9.154.831.169
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	166.004.380
Khấu hao trong kỳ	685.502.130
Số dư cuối kỳ	851.506.510
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	8.988.826.789
Số dư cuối kỳ	8.303.324.659

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tài sản cố định hữu hình thuê tài chính với giá trị còn lại 8.303 triệu VND (1/1/2019: 8.989 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 24).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	11.682.399.869
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	696.539.940
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	12.378.939.809
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	4.868.236.937
Khấu hao trong kỳ	366.795.162
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	5.235.032.099
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	6.814.162.932
Số dư cuối kỳ	7.143.907.710
	<hr/>

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; và
- Ki-ốt cho thuê tại Số 43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	22.509.306.802	327.532.582.128
Tăng trong kỳ	32.046.177.284	30.453.455.841
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(26.637.976.615)	(326.781.684.463)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(57.974.545)	(258.013.746)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.632.110.539)	(9.480.596.484)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(696.539.940)	(411.368.182)
Số dư cuối kỳ	25.530.882.447	21.054.375.094

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
San nền và giải phóng mặt bằng ở Khu Công nghiệp Hòa Xá	13.263.179.215	13.262.879.215
Dự án Nhà máy May Yên Bình	5.013.367.135	5.013.367.135
Dự án Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động lực	315.045.271	577.844.086
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	6.606.362.553	380.449.236
Các công trình khác	332.928.273	3.274.767.130
	25.530.882.447	22.509.306.802

Trong kỳ, không có chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: 4.342 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	781.771.992	130.223.469
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	754.257.108	12.833.334
	1.536.029.100	143.056.803
	1.536.029.100	143.056.803

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất	Công cụ và	Tổng cộng
	trả trước	dụng cụ	VND
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.352.490.812	11.678.539.077	13.031.029.889
Tăng trong kỳ	-	1.620.900.180	1.620.900.180
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.632.110.539	1.632.110.539
Phân bổ trong kỳ	(992.815.604)	(4.464.833.573)	(5.457.649.177)
	359.675.208	10.466.716.223	10.826.391.431
	359.675.208	10.466.716.223	10.826.391.431

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ (*)	
	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định (công ty con)	241.510.304	2.135.361.987
Bên khác		
RCMA Asia Pte. Ltd	53.782.866.401	-
Osc Cotton Trading L.L.C	39.924.840.530	18.189.804.525
Kangwal Polyester Co., Ltd	13.729.807.365	-
Ecom Agroindustrial Corporation Ltd	9.551.359.496	14.712.728.088
Công ty CP Xây dựng BYD Việt Nam	9.474.605.894	10.645.605.894
Doanh nghiệp Tư nhân Ngọc Đạt	3.036.698.036	4.196.681.550
Agrocorp International Pte. Ltd	-	14.777.567.424
Các nhà cung cấp khác	28.910.732.581	36.689.663.624
	158.652.420.607	101.347.413.092

(*) Số có khả năng trả nợ được trình bày ở trên được ước tính căn cứ trên giả định công ty mẹ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn như được nêu trong Thuyết minh 2(c).

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	158.652.420.607	84.369.763.661
Dài hạn	-	16.977.649.431
	158.652.420.607	101.347.413.092

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thuế phải thu/phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	(2.000.000.000)	27.641.753.878	(25.131.400.326)	510.353.552
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	32.777.937	8.752.080.478	(8.784.858.415)	-
Thuế nhập khẩu	-	112.626.642	(112.626.642)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.072.325.176)	711.268.132	-	(361.057.044)
Thuế thu nhập cá nhân	45.526.586	161.497.222	(165.591.867)	41.431.941
Thuế tài nguyên	12.578.909	67.286.293	(68.018.864)	11.846.338
Tiền thuê đất	-	2.223.815.640	(2.907.912.700)	(684.097.060)
Các loại thuế khác	(23.620.390)	58.166.000	(58.166.000)	(23.620.390)
	(3.005.062.134)	39.728.494.285	(37.228.574.814)	(505.142.663)
<i>Trong đó</i>				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(3.095.945.566)			(1.068.774.494)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	90.883.432			563.631.831

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Chi phí lãi vay	951.838.308	966.207.202
Chi phí điện, nước phải trả	906.784.318	891.730.506
Chi phí khác	407.181.334	263.380.873
	2.265.803.960	2.121.318.581

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	1.308.935.684	1.609.994.404
Cổ tức phải trả	1.490.611.250	1.195.740.000
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ) (*)	1.889.274.681	1.943.329.139
Chi phí lãi vay phải trả Công ty CP Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định (công ty con) (*)	114.375.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	162.680.000	231.680.000
	<hr/>	<hr/>
	4.965.876.615	4.980.743.543
	<hr/>	<hr/>

(*) Chi phí lãi vay phải trả bên liên quan không có đảm bảo và phải trả khi được yêu cầu.

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (*)	9.212.500.000	14.212.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	119.423.822	119.423.822
	<hr/>	<hr/>
	9.331.923.822	14.331.923.822
	<hr/>	<hr/>

(*) Đây là số tiền ứng trước từ Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định cho mục đích đền bù tài sản trên đất và hỗ trợ di dời của Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vay và nợ thuê tài chính**(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	1/1/2019		Biến động trong kỳ		30/6/2019	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ (*) VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ (*) VND	VND
Vay ngắn hạn	378.767.773.573	348.154.563.449	(423.913.299.533)	(876.130.944)	302.132.906.545	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 24(b))	60.570.478.349	29.546.598.900	(13.470.018.384)	-	76.647.058.865	
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 24(b))	1.076.072.271	551.136.906	(540.005.157)	-	1.087.204.020	
	440.414.324.193	378.252.299.255	(437.923.323.074)	(876.130.944)	379.867.169.430	

(*) Số có khả năng trả nợ được trình bày ở trên được ước tính căn cứ trên giả định công ty mẹ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả đến hạn như được nêu trong Thuyết minh 2(c).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Bên khác				
Vay ngân hàng 1	USD	4%	81.939.716.334	152.138.672.405
Vay ngân hàng 2	VND	6,5%	62.391.572.609	-
Vay ngân hàng 3	USD	4,2%	49.786.413.034	77.730.089.898
Vay ngân hàng 4	VND	6,4% - 6,5%	38.322.372.013	-
Vay ngân hàng 5	VND	7,5% - 7,8%	25.049.201.924	5.240.841.115
Vay ngân hàng 6	USD	4,5% - 4,8%	18.643.640.216	31.721.691.634
Vay ngân hàng 7	USD	4% - 4,2%	18.130.121.768	73.202.536.380
Vay ngân hàng 8	USD	4,5%	-	28.638.466.080
Vay cá nhân	VND	5,4% - 6,96%	7.869.868.647	10.095.476.061
			302.132.906.545	378.767.773.573

Khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị ghi sổ là 32.240 triệu VND (1/1/2019: 34.219 triệu VND).

Khoản vay từ các cá nhân không được đảm bảo.

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay dài hạn (i)	512.097.330.279	516.656.769.328
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	6.330.243.483	6.830.438.625
	518.427.573.762	523.487.207.953
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(77.734.262.885)	(61.646.550.620)
	440.693.310.877	461.840.657.333

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Bên liên quan					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	8,8%	2023	64.999.388.608	64.999.388.608
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (**)	USD	LIBOR + 0,7%	2036	137.603.579.316	136.867.416.361
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định (*)	VND	7,5%	2021	9.000.000.000	9.000.000.000
Bên khác					
Vay từ ngân hàng 1 (***)	USD	6,6%	2022	169.310.538.757	167.377.432.283
Vay từ ngân hàng 2 (***)	VND	12,6%	2023	98.221.122.379	101.383.335.527
Vay từ ngân hàng 3	USD	5,7%	2022	31.441.951.219	35.204.846.549
Vay từ ngân hàng 4	VND	11,3%	2022	1.520.750.000	1.824.350.000
				512.097.330.279	516.656.769.328

(*) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ, cho vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”). Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 132.036 triệu VND (1/1/2019: 124.365 triệu VND).

(***) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình là toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc, với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 326.405 triệu VND (1/1/2019: 325.718 triệu VND).

Các khoản vay ngân hàng còn lại được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 56.495 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 36.579 triệu VND) (Thuyết minh 15).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2019		1/1/2019	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND
Trong vòng một năm	1.130.692.181	43.488.161	1.118.577.126	42.504.855
Trong vòng hai đến năm năm	4.522.768.723	173.952.643	4.474.308.503	170.019.419
Sau năm năm	929.992.318	35.768.935	1.507.355.322	57.278.052
	6.583.453.222	253.209.739	7.100.240.951	269.802.326
				6.830.438.625

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, trong nợ thuế tài chính có số nợ có gốc ngoại tệ xấp xỉ 270.755 USD (1/1/2019: 294.035 USD).

Khoản vay nợ thuế tài chính này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 8.303 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 8.989 triệu VND) (Thuyết minh 16).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	1.680.974.493	1.195.983.323
Trích lập trong kỳ	750.000.000	1.293.804.171
Sử dụng trong kỳ	(450.270.000)	(533.824.000)
Số dư cuối kỳ	1.980.704.493	1.955.963.494

26. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn là doanh thu nhận trước từ công ty con liên quan đến hoạt động cho thuê máy móc thiết bị.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Thay đổi vốn chủ sở hữu****Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018**

Lợi nhuận thuần trong kỳ
 Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi
 Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển
 Cổ tức (Thuyết minh 29)

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
	136.000.000.000	20.959.282.666	51.286.805.706	208.246.088.372
	-	-	14.404.242.368	14.404.242.368
	-	-	(1.293.804.171)	(1.293.804.171)
	-	36.657.784.850	(36.657.784.850)	-
	-	-	(8.160.000.000)	(8.160.000.000)

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018**Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019**

Lợi nhuận thuần trong kỳ
 Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi
 Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển
 Cổ tức (Thuyết minh 29)

	136.000.000.000	57.617.067.516	19.579.459.053	213.196.526.569
	136.000.000.000	57.617.067.516	14.278.377.987	207.895.445.503
	-	-	2.597.968.877	2.597.968.877
	-	-	(750.000.000)	(750.000.000)
	-	6.400.000.000	(6.400.000.000)	-
	-	-	(6.800.000.000)	(6.800.000.000)

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

	136.000.000.000	64.017.067.516	2.926.346.864	202.943.414.380
--	-----------------	----------------	---------------	-----------------

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	30/6/2019 và 1/1/2019		
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số vốn góp VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	7.299.700	53,67	72.997.000.000
Bà Trung Thị Nga	719.000	5,29	7.190.000.000
Các cổ đông khác	5.581.300	41,04	55.813.000.000
	13.600.000	100,00	136.000.000.000

29. Cổ tức

Ngày 20 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 6.800 triệu VND cho các cổ đông (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 8.160 triệu VND).

30. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.300.764.667	487.786.750
Từ hai đến năm năm	7.804.588.000	7.804.588.000
Sau năm năm	55.932.880.666	56.908.454.167
	65.038.233.333	65.200.828.917
	65.038.233.333	65.200.828.917

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	30.514	707.984.812	1.056.470	24.463.648.862
EUR	450	11.260.113	450	11.877.561
		719.244.925		24.475.526.423
		719.244.925		24.475.526.423

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng:		
▪ Đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị	66.708.000.000	95.510.000.000
▪ Dự án di dời Tổng Công ty ra Khu Công nghiệp Hòa Xá	407.723.000.000	23.130.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	23.494.000.000	-
	497.925.000.000	118.640.000.000
	497.925.000.000	118.640.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Bán hàng	438.486.716.794	317.248.571.985
Cung cấp dịch vụ	20.517.758.221	20.386.387.611
Dịch vụ gia công	48.881.064.759	45.732.647.707
Cho thuê bất động sản đầu tư	2.006.599.999	1.742.710.969
	509.892.139.773	385.110.318.272

33. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	430.670.651.525	293.885.734.734
Dịch vụ đã cung ứng	14.802.829.849	17.271.998.966
Dịch vụ gia công	41.224.118.641	42.712.561.470
Bất động sản đầu tư cho thuê	873.562.376	712.396.071
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.301.457.537)	-
	483.269.704.854	354.582.691.241

34. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	741.856.631	663.812.949
Lãi do người mua chậm trả	2.962.626.686	3.953.744.071
Cổ tức được chia	13.050.000.000	17.750.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.388.488.499	1.351.800.779
	21.142.971.816	23.719.357.799

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	24.981.960.579	13.533.548.423
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	7.827.573.563
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.594.842.500	6.774.630.705
	31.576.803.079	28.135.752.691

36. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	1.024.975.800	605.417.814
Chi phí đại lý bán hàng	2.062.665.588	758.490.509
Chi phí xuất khẩu	1.141.340.230	1.175.633.257
Chi phí bán hàng khác	797.451.631	785.121.921
	5.026.433.249	3.324.663.501

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	2.771.987.226	2.675.107.699
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(49.660.182)	224.870.974
Chi phí phân bổ trả trước	1.145.955.023	614.330.042
Chi phí khấu hao	1.171.898.490	484.194.794
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.558.402.605	4.540.650.653
	8.598.583.162	8.539.154.162

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	249.423.302.922	209.615.341.842
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	88.119.029.233	49.269.579.118
Chi phí nhân công	55.220.375.737	52.244.512.845
Chi phí khấu hao	31.420.931.598	20.261.469.118
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.432.686.366	46.324.670.516
Chi phí khác	11.570.473.463	14.157.320.222

39. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	711.268.132	273.306.586
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	-	(93.311.061)
	711.268.132	179.995.525

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.309.237.009	14.584.237.893
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	661.847.402	2.916.847.579
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.659.420.730	906.459.007
Thu nhập không bị tính thuế	(2.610.000.000)	(3.550.000.000)
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(93.311.061)
	711.268.132	179.995.525

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	212.283.000	1.247.453.990
Mua hàng hóa và dịch vụ	22.000.000	4.631.315.174
Hoàn trả khoản vay	-	1.484.753.218
Lãi vay và phí nhập gốc vay	2.994.246.143	1.327.286.906
Chi phí lãi vay	2.836.466.474	4.127.900.566
Cổ tức	3.649.850.000	4.379.820.000
Công ty con		
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	24.107.138	26.664.138
Mua dịch vụ	578.518.976	4.340.300.150
Chi phí lãi vay	339.375.000	339.375.000
Lãi do chậm trả người bán	14.622.702	59.714.603
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.607.779.196	5.273.792.906
Mua hàng hóa	-	450.000
Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	29.496.373.174	22.942.785.304
Mua hàng hóa	1.978.378.022	8.122.536.025
Lãi do người mua chậm trả	239.948.473	110.689.499
Công ty CP May IV Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	964.117.648	913.865.029
Mua dịch vụ	15.097.245	-
Công ty CP Sợi Thanh Châu		
Bán hàng hóa	-	2.341.502.548
Mua hàng hóa	-	12.965.246.229

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Công ty CP Dệt – Dệt May Nam Định		
<i>(đến ngày thanh lý)</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	106.514.112.961	71.474.073.058
Mua hàng hóa	59.469.471.303	28.028.983.797
Lãi do người mua chậm trả	2.519.326.840	3.648.074.739
Công ty liên kết		
Công ty CP Dệt – Dệt May Nam Định		
<i>(từ ngày thanh lý đến ngày 30 tháng 6 năm 2019)</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	18.126.099.651	-
Mua hàng hóa	406.316.906	-
Lãi do người mua chậm trả	128.351.373	-
Công ty CP May V Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa	577.236.639	530.793.590
Khoản cho vay	2.700.000.000	2.800.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	3.900.000.000	2.800.000.000
Thu nhập lãi vay	292.076.737	280.322.567
Lãi do người mua chậm trả	75.000.000	103.125.000
Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Cổ tức	13.050.000.000	17.750.000.000
Bán hàng hóa	3.508.370	18.000.000
Công ty CP May I Dệt May Nam Định		
Cung cấp dịch vụ	1.347.927.114	20.058.425
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Lương và thù lao đã trả	386.722.669	391.007.766



41. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Bù trừ khoản phải trả với cổ tức phải thu trong kỳ	5.000.000.000	12.000.000.000
Lãi vay và phí nhập gốc vay	2.994.246.143	1.327.286.906

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

42. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được mang sang từ:

- các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh liên quan; và
- số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019

Người lập:

Phạm Thị Nhân
Người lập

Người duyệt:

Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

M.S.D.N : 0600019436
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN
DỆT MAY
NAM ĐỊNH
Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

C.T.T.N.H.H
HỮU HẠN
G
- T.P HÀ NỘI